

Bản án số: **180/2025/HNGĐ-ST**.

Ngày: 19-6-2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Việt Cường và ông Nguyễn Văn Cường;**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thúy Hương.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Ngoan** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 14-3-2025, về việc: Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 129/2025/QĐXX-ST ngày 08-5-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐ-HPT ngày 30-5-2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2022; Đăng kí thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, Thành phố H.

- Bị đơn: **Anh Đặng Đức Q**, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKCL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/01/2015; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, Thành phố H; Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc - không rõ địa chỉ - (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ông Đặng Đức C, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950;** Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các văn bản gửi Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Đức Q kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 19-7-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện S, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà gia đình anh Q tại thôn Đ, xã

Đ, huyện S, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Từ năm 2019, anh Q sang Hàn Quốc để lao động. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng căng thẳng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng không thể khắc phục mâu thuẫn và không có khả năng hàn gắn tình cảm với nhau dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn không có khả năng đoàn tụ yêu cầu được ly hôn anh Đặng Đức Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là: cháu Đặng Tuấn T, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Đặng Ngọc Mai A, sinh ngày 26/8/2011. Từ khi ly thân, hai cháu vẫn ở với ông bà nội - là bố mẹ đẻ anh Q. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng giao hai cháu cho anh Q nuôi dưỡng và tạm giao hai cháu cho ông bà cháu nuôi cho đến khi anh Q trở lại Việt Nam. Chị cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đồng/tháng (2.000.000đồng/tháng đối với mỗi con).

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Đặng Đức Q vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Theo Công văn số 3447/QLXNC-QLXC ngày 25-3-2025 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện: Qua tra cứu trên hệ thống cơ sở dữ liệu XNC hiện hành: có thông tin anh Đặng Đức Q, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKCL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/01/2015; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, thành phố H; Xuất cảnh lần gần nhất ngày 27/3/2019 qua SBQT Nội Bài bằng hộ chiếu số .

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Đức C và bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt hợp lệ.

- Bị đơn là anh Đặng Đức Q ở nước ngoài, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Chủ tọa: Công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Bị đơn là anh Đặng Đức Q là người Việt Nam, hiện ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự đã đảm bảo thủ tục theo quy định.

Về nội dung: Về tình cảm: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Xác nhận chị H và anh Q có 02 con chung là: cháu Đặng Tuấn T, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Đặng Ngọc Mai A, sinh ngày 26/8/2011. Giao cả hai con chung cho anh Đặng Đức Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao hai cháu Mai Anh và Tuấn Tú cho ông Đặng Đức C và bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi anh Đặng Đức Q trở lại Việt Nam. Chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng (2.000.000đồng/tháng đối với mỗi con).

Về tài sản chung, vay nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Anh Đặng Đức Q là công dân Việt Nam, hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành làm việc với người thân của anh Đặng Đức Q để xác minh và tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Q. Người thân của anh Q (bố mẹ đẻ anh Q) là ông C và bà T xác nhận anh Q vẫn liên hệ với gia đình ở trong nước nhưng cũng không cung cấp được địa chỉ nơi ở hiện nay của anh Q. Chị H cũng không cung cấp được địa chỉ của bị đơn anh Q ở nước ngoài. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân thích của anh Q. Ông C và bà T đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và sẽ có trách nhiệm gửi, thông báo cho anh Q ở nước ngoài. Theo hướng dẫn tại công văn 253/TANDTC-PC ngày 26.11.2018 thì coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu chứng cứ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Chị Nguyễn Thị H, ông Đặng Đức C và bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức Q kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 19-7-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện S, thành phố Hà Nội. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Công văn số 3447/QLXNC-QLXC ngày 25-3-2025 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện: Qua tra cứu trên hệ thống cơ sở dữ liệu XNC hiện hành, có thông tin: anh Đặng Đức Q, sinh năm 1982; Căn cước công dân số:

001082006035 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKCL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/01/2015; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội; Xuất cảnh lần gần nhất ngày 27/3/2019 qua SBQT Nội Bài bằng hộ chiếu số C6836952.

Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Thực tế, vợ chồng chị H và anh Q đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Từ năm 2019, anh Q đi Hàn Quốc theo diện du lịch sau đó ở lại lao động từ đó đến nay giữa vợ chồng không có sự liên hệ với nhau. Như vậy anh chị không có sự quan tâm chăm sóc chia sẻ giúp đỡ nhau nên giữa anh chị không tồn tại cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc chứng tỏ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Đặng Đức Q là có căn cứ cần được chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H với anh Đặng Đức Q có 02 con chung là: cháu Đặng Tuấn T, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Đặng Ngọc Mai A, sinh ngày 26/8/2011.

Từ khi chị H và anh Q ly thân, hai cháu vẫn ở với ông bà nội - là bố mẹ đẻ anh Q. Hai cháu Tuấn Tú và Mai Anh đều có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Tuy nhiên, do anh Q đang ở nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung; chị H cũng có nguyện vọng để con chung cho anh Q và ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng nên căn cứ quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét giao cả hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng và tạm giao cho ông C và bà T nuôi các cháu trong thời gian anh Q ở nước ngoài là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như quan điểm thống nhất giữa chị H với ông C và bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: 4.000.000đồng/tháng nên ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đặng Đức Q. Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức Q chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức Q có 02 con chung là: cháu Đặng Tuấn T, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Đặng Ngọc Mai A, sinh ngày 26/8/2011. Giao cả hai con chung cho anh Đặng Đức Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao hai cháu Mai Anh và Tuấn Tú cho ông Đặng Đức C và bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi anh Đặng Đức Q trở lại Việt Nam. Chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng (2.000.000đồng/tháng đối với mỗi con). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi cháu Tuấn T, Mai A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0079067 ngày 13-3-2025 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, ông Đặng Đức C và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Đặng Đức Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (*Một*) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- UBND xã K, huyện S, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tú